

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-ST

Ngày: 15-7-2022

Về việc: “*Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sở.

Bà Lê Thị Đông.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Đức Công – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 07 và ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Hồng P**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Bình P, xã Thanh B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp Mỹ T, xã Mỹ Tịnh A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị Kim L**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: B Trần Văn Đ, phường Tân K, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Trần Văn C, sinh năm 1967.

Địa chỉ: T đường Lê Hữu N, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

(*Ông T, ông C có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2021 của bà Phạm Thị Hồng P và các lời trình bày của ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bà P có trong hồ sơ có nội dung:

Bà Phạm Thị Hồng P quen biết bà Phạm Thị Kim L do làm chung Công ty Hansae ở khu công nghiệp Tân Hương nên bà P cho bà L vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 15/02/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 60.000.000đ, hạn trả ngày 15/7/2020.

- Ngày 06/3/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 100.000.000đ, hạn trả ngày 06/7/2020.

- Ngày 27/3/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 20.000.000đ, hạn trả ngày 27/7/2020.

- Ngày 17/4/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 120.000.000đ, hạn trả ngày 17/7/2020.

- Ngày 28/5/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 120.000.000đ, hạn trả ngày 28/5/2020.

- Ngày 24/5/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 280.000.000đ, hạn trả ngày 24/7/2020.

- Ngày 24/6/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 160.000.000đ, hạn trả ngày 24/7/2020.

- Ngày 28/6/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 250.000.000đ, hạn trả ngày 28/7/2020.

Tổng cộng bà P cho bà L vay 08 lần với số tiền là 1.110.000.000đ. Mỗi lần cho vay thì bà P và bà L thỏa thuận miệng lãi suất cho vay là 1%/tháng.

Từ khi nhận tiền vay lần sau cùng là ngày 28/6/2020 thì bà L nghỉ làm ở Công ty nên bà P đã nhiều lần đến nhà bà L để đòi trả tiền nhưng bà L cố tình tránh mặt không giải quyết. Nay bà P khởi kiện yêu cầu bà L trả cho bà số tiền 1.110.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, ông T là người đại diện theo ủy quyền của bà P xác định do bà P chỉ cho bà L mượn tiền nên bà P chỉ yêu cầu bà L trả tiền cho bà P, ngoài ra không yêu cầu thêm ai có trách nhiệm trả tiền cho bà P.

Bị đơn, bà Phạm Thị Kim L do ông Trần Văn C là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà L xác định bà và bà P do làm chung Công ty nên quen biết nhau. Năm 2019, bà có mượn tiền bà P nhiều lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: bà L mượn bà P số tiền 20.000.000đ với lãi suất 15%/tháng (3.000.000đ/tháng), bà L không nhớ ngày tháng vay và khi vay cũng không có viết giấy.

- Lần 2: bà L tiếp tục vay số tiền 20.000.000đ nhưng thực nhận là 17.000.000đ, còn 3.000.000đ là trả lãi cho lần vay trước. Tổng cộng 02 lần vay là 40.000.000đ. Lãi suất cho vay tại thời điểm này là 25% tức là 10.000.000đ/tháng.

- Lần 3: bà L tiếp tục vay là 60.000.000đ, thực nhận là 50.000.000đ, 10.000.000đ là trả lãi lần vay thứ 2. Lần vay này lãi suất là 30%/tháng, tức là 30.000.000đ/tháng.

- Lần 4: bà L vay 50.000.000đ, thực nhận có 20.000.000đ, còn 30.000.000đ là trả lãi.

Tổng cộng 04 lần bà L vay bà P là 150.000.000đ nhưng thực nhận chỉ có 87.000.000đ, không có làm giấy tờ vay.

Những tháng sau do bà L không trả nổi số tiền gốc và lãi nên bà P đưa giấy nợ yêu cầu bà L ký tên, về nhà bà P sẽ điền vô giấy nợ tiền lãi sau. Bà L tin tưởng ký vào và những tháng này bà làm được bao nhiêu tiền thì đưa bà P trả lãi bấy nhiêu nhưng bà P đều bắt bà ký tên vào giấy còn để trống. Nếu bà L không ký thì bà P yêu cầu bà trả hết tiền gốc và lãi còn thiếu ngay nên bà phải ký vào. Đến tháng 7/2020, bà L hỏi bà P còn nợ bao nhiêu thì bà P nói rằng còn nợ 320.000.000đ. Bà L thấy tiền đã trả đã vượt qua gốc ban đầu nên không còn khả năng trả nữa và cũng không tiếp tục ký tên vào giấy trắng tính lãi nữa. Đến ngày 05/10/2020, bà L gom hết tiền hụi vừa hốt được là 100.000.000đ và tiền lương tháng, tổng cộng được 106.000.000đ trả cho bà P và yêu cầu bà P cho bà trả gốc, không tính lãi nữa nhưng bà P không đồng ý. Đến tháng 11/2020, bà L không ký tên vào giấy nợ nữa nên bà P cho giang hồ đến đòi tiền bà L với số tiền hơn 1.000.000.000đ nên bà L hoảng sợ đã nghỉ làm ở công ty cũ chung với bà P. Nay bà L xác định chỉ còn nợ bà P 60.000.000đ nên chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền 60.000.000đ.

Ông C đại diện cho bà L tại phiên tòa xác định 08 “Biên nhận mượn tiền” giữa bà P và bà L thực chất là tiền lãi, bà P đưa bà L ký khi không có nội dung, về nhà bà P điền vào số tiền nên các giấy này mới có những hàng trống không có nội dung. Ngoài ra, khi bà P đưa các giấy này để đòi tiền bà L thì trong giấy cũng không có ghi nhận thời hạn trả nợ mà do bà P tự ghi thêm vào để đi khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận những giấy nợ trên vì khi bà L ký là không có nội dung.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim L là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: bà Phạm Thị Hồng P khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phạm Thị Kim L có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào **Khoản 3 Điều 26**; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về hợp đồng vay tài sản: theo lời trình bày của bà Phạm Thị Hồng P là bà cho bà Phạm Thị Kim L vay 08 lần cụ thể:

- Ngày 15/02/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 60.000.000đ, hạn trả ngày 15/7/2020.

- Ngày 06/3/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 100.000.000đ, hạn trả ngày 06/7/2020.

- Ngày 27/3/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 20.000.000đ, hạn trả ngày 27/7/2020.

- Ngày 17/4/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 120.000.000đ, hạn trả ngày 17/7/2020.

- Ngày 28/5/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 120.000.000đ, hạn trả ngày 28/5/2020.

- Ngày 24/5/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 280.000.000đ, hạn trả ngày 24/7/2020.

- Ngày 24/6/2020, bà Phi cho bà Loan vay số tiền là 160.000.000đ, hạn trả ngày 24/7/2020.

- Ngày 28/6/2020, bà P cho bà L vay số tiền là 250.000.000đ, hạn trả ngày 28/7/2020.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, các biên nhận mượn tiền này đều có nội dung vay mượn tiền giữa bà L và bà P, bà L cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết tên “Phạm Thị Kim L” là do bà L viết ra. Ông C đại diện cho bà L cho rằng các chữ ký này tuy của bà L nhưng do bà L ký tên trước khi có nội dung số tiền vay nhưng ông C không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc bà L ký không vào các giấy biên nhận này nên

việc bà P căn cứ vào các biên nhận này để khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 1.110.000.000đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Ông C cho rằng, khi bà P đòi tiền bà L thì có giao ra các biên nhận này nhưng trong biên nhận không có hạn ngày trả, là do bà P ghi thêm vào sau này khi khởi kiện tại Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, dù bà P có ghi thêm vào các giấy nợ này cũng không làm thay đổi nội dung vay tiền giữa bà L và bà P. Xét về điều kiện khởi kiện, bà L thừa nhận bà P nhiều lần thuê giang hồ đến đòi tiền bà L với số tiền lên đến hơn một tỷ đồng thì nếu trong biên nhận mượn tiền không có ghi thời hạn trả nợ nhưng bà P đã có tổ chức đòi nợ nên xác định tình tiết này cũng là tình tiết báo trước việc yêu cầu trả tiền vay nên quan hệ “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa bà P và bà L đã đủ điều kiện khởi kiện và Tòa án thụ lý vụ án này là đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Về phương thức thanh toán: Bà Phạm Thị Hồng P yêu cầu bà Phạm Thị Kim L có nghĩa vụ trả tiền vay, bà L không đồng ý trả số tiền trên nhưng không đưa ra được chứng cứ bác bỏ chứng cứ của bà P nên Hội đồng xét xử đã buộc bà L trả nợ cho bà P. Theo đó, Hội đồng xét xử xác định phương thức trả nợ là buộc bà L trả cho bà P trả số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về lãi suất cho vay: Căn cứ 08 “Biên nhận mượn tiền” giữa bà L và bà P không có thỏa thuận lãi suất vay tiền và bà P là người khởi kiện không yêu cầu Tòa án xem xét tính lãi suất cho vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: bà Phạm Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.300.000đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Bà Phạm Thị Hồng P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 22.650.000đ do yêu cầu khởi kiện của bà được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng P về việc yêu cầu bà Phạm Thị Kim L trả cho bà số tiền vay là 1.110.000.000đ.

Buộc bà Phạm Thị Kim L trả cho bà Phạm Thị Hồng P số tiền vay là 1.110.000.000đ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị Kim L phải nộp 45.300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Hồng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị Hồng P được nhận lại số tiền 22.650.000đ theo biên lai thu số 0001208 ngày 16/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh